

được liệu. Nhưng tình có ít được liệu thì Công ty được phạm kiểm việc thu mua, phân phối được liệu, hướng dẫn giúp đỡ nhân dân nuôi, trồng được liệu.

16. Tổ chức phân phối thuốc: mỗi tỉnh, thành phố đều có Công ty dược phẩm. Mỗi Công ty có nhiều hiệu thuốc gắn liền với các bệnh viện, bệnh xá, phòng khám bệnh và những nơi tập trung đông người, để cung cấp thuốc, pha chế theo đơn, bán lẻ thuốc cho nhân dân, hướng dẫn sử dụng thuốc, tuyên truyền vệ sinh phòng bệnh.

Ở khu vực **Vĩnh-linh**, tổ chức y tế cần gọn nhẹ, nhưng có chất lượng cao, bao gồm: Ty y tế và các cơ sở chuyên môn, kỹ thuật trực thuộc, như: bệnh viện đa khoa, trạm vệ sinh phòng dịch và chống sốt rét, lớp đào tạo cán bộ chuyên môn gắn liền với bệnh viện, Công ty dược phẩm, tổ kiểm nghiệm dược phẩm, và mạng lưới y tế cơ sở.

D. Tổ chức y tế khu Việt-bắc và khu Tây-bắc.

Tại các khu tự trị Việt-bắc, Tây-bắc, cần thành lập Ban hoặc Sở Y tế để giúp Ủy ban hành chính khu thanh tra công tác y tế trong toàn khu; quản lý các cơ sở y tế trực thuộc khu; nghiên cứu các vấn đề y tế cho phù hợp với tình hình miền núi và các dân tộc trong khu.

Các cơ sở y tế Tây-bắc gồm có: Bệnh viện đa khoa, Viện điều dưỡng và Trường trung học y tế.

Các cơ sở y tế khu Việt-bắc gồm có: Bệnh viện đa khoa, Viện nghiên cứu y, dược dân tộc, Bệnh viện lao, và Viện điều dưỡng.

III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Việc cải tiến tổ chức y tế địa phương lần này nhằm thúc đẩy sự nghiệp y tế phát triển, nâng cao hơn nữa chất lượng và hiệu quả của công tác y tế. Hội đồng Chính phủ giao trách nhiệm cho các ngành, các cơ quan ở trung ương và Ủy ban hành chính các địa phương cùng với Bộ Y tế tổ chức, chỉ đạo thực hiện tốt nghị quyết này trong phạm vi mỗi ngành, mỗi địa phương. Các ngành có nhiệm vụ phối hợp với Bộ Y tế để làm tốt việc thống nhất quản lý y tế các ngành vào Bộ Y tế theo quyết định số 91-TTg ngày 25-4-1974 của Thủ tướng Chính phủ, bàn giao các cơ sở khám, chữa bệnh, điều dưỡng, trạm vệ sinh lao động và toàn bộ nhà cửa, tài sản, cán bộ hiện có của các cơ sở đó (trừ ngành Đường sắt và ngành Công an). Trong khi chưa thống

nhất quản lý toàn bộ, phải thống nhất quản lý tiêu chuẩn, chế độ, chính sách về y tế.

Về chỉ tiêu phát triển sự nghiệp, chỉ tiêu lao động, vật tư, xây dựng cơ bản, tài chính của tổ chức y tế địa phương, Bộ Y tế và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước cần tính toán cụ thể, chặt chẽ để trình Chính phủ duyệt.

Cán bộ y tế dân lập ở các tiểu khu nội thành ở Hà-nội và Hải-phòng nay được tuyển vào biên chế Nhà nước. Việc tuyển cán bộ y tế dân lập tiểu khu ở các thành phố, thị xã khác vào biên chế sẽ do Bộ Y tế cùng với Ban Tổ chức của Chính phủ nghiên cứu và trình Chính phủ quyết định.

Đề tăng cường khả năng tự túc thuốc bằng nguồn dược liệu trong nước, Bộ Y tế, Ủy ban Nông nghiệp trung ương và Tổng cục Lâm nghiệp cần xây dựng quy hoạch, kế hoạch và các chính sách trồng cây thuốc, nuôi động vật làm thuốc, khai thác, chế biến và sử dụng cây thuốc, động vật làm thuốc, để trình Chính phủ xét duyệt và phân công thực hiện.

Bộ Y tế có trách nhiệm xây dựng kế hoạch thực hiện từng bước nghị quyết này của Hội đồng Chính phủ, và cùng với Ban Tổ chức của Chính phủ, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện nghị quyết này.

Hà-nội, ngày 14 tháng 1 năm 1975

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

CÁC BỘ

BỘ CÔNG AN

QUYẾT ĐỊNH số 1-QĐ ngày 1-1-1975 về việc sử dụng và kiểm soát giấy chứng minh, giấy chứng nhận căn cước.

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

Căn cứ vào nghị định số 150-CP ngày 2-10-1964 của Hội đồng Chính phủ về việc cấp giấy chứng minh và quyết định số 215-TTg ngày 25-7-1972 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận căn cước cho công dân nước Việt-nam dân chủ cộng hòa bắt đầu từ tuổi 15 trở lên;

Đề tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, phục vụ lợi ích của nhân dân, góp phần giữ vững an ninh chính trị và trật tự xã hội.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1975 trở đi việc đi lại giao dịch hàng ngày của những người bắt đầu từ tuổi 15 trở lên đều thống nhất dùng giấy chứng minh hoặc giấy chứng nhận căn cước do cơ quan công an cấp để chứng thực căn cước của mỗi người.

Điều 2. — Những người đến tuổi lấy giấy chứng minh, giấy chứng nhận căn cước hoặc chưa được cấp, thì cần đến ngay cơ quan công an nơi mình thường trú để làm thủ tục lấy giấy chứng minh, giấy chứng nhận căn cước.

Điều 3. — Giấy chứng minh của Quân đội nhân dân và Công an nhân dân vũ trang đang tại ngũ do Bộ Quốc phòng và Bộ Công an cấp cũng có giá trị như giấy chứng minh, giấy chứng nhận căn cước.

Điều 4. — Người đi lại vùng biên giới hoặc khu vực Vĩnh-linh, ngoài giấy chứng minh, giấy chứng nhận căn cước, phải có giấy phép riêng do Sở hoặc Ty công an nơi mình ở cấp.

Điều 5. — Mỗi người chỉ được sử dụng một giấy chứng minh hoặc một giấy chứng nhận căn cước và phải chấp hành nghiêm chỉnh các điều sau đây :

a) Phải mang luôn giấy chứng minh hoặc giấy chứng nhận căn cước trong người đề xuất trình khi cơ quan chính quyền kiểm soát ;

b) Phải giữ gìn cẩn thận giấy chứng minh, giấy chứng nhận căn cước không để mất, để hỏng. Nếu mất phải báo ngay cho cơ quan công an hoặc Ủy ban hành chính xã nơi gần nhất và nơi mình thường trú. Nếu hỏng phải xin đổi lại giấy chứng minh, giấy chứng nhận căn cước mới ;

c) Khi được phép thay đổi họ tên (kể cả đổi hoặc đặt bí danh), cải chính ngày, tháng, năm sinh thì phải làm đơn xin thay đổi giấy chứng minh hoặc giấy chứng nhận căn cước khác ;

d) Nghiêm cấm việc khai man, giả mạo, tẩy xóa, sửa chữa, mua bán, mượn hoặc cho người khác mượn giấy chứng minh, giấy chứng nhận căn cước.

Điều 6. — Ai vi phạm các điều 1, 2, 3, 4, 5 nói trên coi như phạm pháp, sẽ bị xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 7. — Các lực lượng công an nhân dân kể cả công an xã có trách nhiệm tổ chức, kiểm tra giấy chứng minh, giấy chứng nhận căn cước theo kế hoạch của Bộ Công an hướng dẫn.

Điều 8. — Các đồng chí chủ tịch Ủy ban hành chính khu, thành, tỉnh, đồng chí Tư lệnh trưởng Công an nhân dân vũ trang, các đồng chí Vụ trưởng, Cục trưởng thuộc Bộ Công an, các đồng chí Giám đốc Khu, Sở công an, các đồng chí Trưởng Ty công an có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà-nội, ngày 1 tháng 1 năm 1975

Bộ trưởng Bộ Công an
TRẦN QUỐC HOÀN

BỘ NGOẠI GIAO

QUYẾT ĐỊNH số 01-VPNG ngày 8-1-1975
công bố bản Quy định của Bộ Ngoại
giao về hoạt động thông tin báo chí
của các cơ quan đại diện nước ngoài
tại Việt-nam dân chủ cộng hòa.

BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO

Căn cứ Sắc lệnh số 282-SL ngày 14-12-1956
kèm theo Luật về chế độ báo chí ;

Căn cứ Luật số 100-SL/L.002 ngày 20-5-1957
quy định chế độ báo chí ;

Căn cứ nghị định số 298-TTg ngày 9-7-1957
quy định chi tiết thi hành Luật 100-SL/L.002
ngày 20-5-1957 về chế độ báo chí ;

Căn cứ chỉ thị số 67-TTg ngày 10-6-1965 của
Thủ tướng Chính phủ về một số vấn đề có liên
quan đến hoạt động của cơ quan đại diện nước
ngoài đặt tại Việt-nam ;

Căn cứ nghị định số 157-CP ngày 9-10-1961
quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ
máy Bộ Ngoại giao ;

Theo đề nghị của ông Vụ trưởng Vụ thông tin
báo chí Bộ Ngoại giao.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay công bố Quy định của Bộ Ngoại giao nước Việt-nam dân chủ cộng hòa về hoạt động thông tin báo chí của các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt-nam dân chủ cộng hòa.

Điều 2. — Quy định này có hiệu lực kể từ khi Vụ thông tin báo chí Bộ Ngoại giao có công hàm thông báo cho các cơ quan đại diện nước ngoài tại Việt-nam.